

Số: 71/2025/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định đối tượng chính sách khác được vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thông tư số 84/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét Tờ trình số 8229/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng chính sách khác được vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định đối tượng chính sách khác được vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định đối tượng chính sách khác được vay vốn; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 3, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC

ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

2. Đối tượng áp dụng

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lâm Đồng.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho các đối tượng chính sách vay vốn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội

Các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (ngoài các đối tượng đã được quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ) được vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm:

1. Các đối tượng có nhu cầu vay vốn sản xuất, kinh doanh thuộc:

a) Hộ gia đình có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật, có nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

b) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số thường trú tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển đổi nghề.

2. Hộ gia đình đang sinh sống tại các phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng chưa có công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng không thuộc phạm vi cấp nước sạch tập trung và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường có nhu cầu vay vốn để thực hiện chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường.

3. Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được bên tuyển dụng tiếp nhận chính thức đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có nhu cầu vay vốn để đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng.

4. Hộ gia đình thường trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có từ 02 học sinh, sinh viên trở lên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có nhu cầu vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

5. Học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam thường trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (học sinh, sinh viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật nhưng không cần đáp ứng

điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ).

6. Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại các xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được tiếp tục thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn. Thời gian kể từ khi cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến thời điểm vay vốn tối đa là 05 năm.

7. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm và không trái quy định của pháp luật có liên quan, gồm:

a) Người vay là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm đồng có mức thu nhập dưới mức phải đóng thuế thu nhập cá nhân theo quy định; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước nghỉ việc trong thời gian không quá 5 năm tính từ ngày có quyết định nghỉ việc do thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Người lao động là bộ đội xuất ngũ, công an xuất ngũ.

c) Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Trường hợp một đối tượng theo Điều 2 Nghị quyết này đồng thời đáp ứng đủ điều kiện vay vốn có cùng mục đích sử dụng vốn vay hoặc trùng lặp với đối tượng hưởng chính sách ưu đãi tín dụng do Trung ương ban hành thì chỉ được hưởng chính sách ưu đãi cao nhất.

Điều 4. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Các mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay được áp dụng thống nhất theo quy định tại Phụ lục kèm theo. Trường hợp chính sách tín dụng ưu đãi của Trung ương có thay đổi thì mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội được điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới tại thời điểm áp dụng.

Điều 5. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội

Cân đối ổn định trong dự toán ngân sách hàng năm của ngân sách địa phương: Mức bố trí vốn hàng năm tăng từ 10% trở lên so với số vốn ủy thác được cân đối trong dự toán đầu năm của năm trước liền kề.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Bãi bỏ các Nghị quyết sau từ ngày 01 tháng 01 năm 2026:
 - a) Nghị quyết số 310/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) quy định đối tượng được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội và nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.
 - b) Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) quy định đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ) được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.
3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- VP: TU, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lâm Đồng;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo - tin học tỉnh;
- Trung tâm hạ tầng và Công nghệ số tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

**PHỤ LỤC: QUY ĐỊNH MỨC CHO VAY, THỜI HẠN CHO VAY, LÃI SUẤT CHO VAY TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Đối tượng cho vay	Mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất cho vay
1	Các đối tượng có nhu cầu vay vốn sản xuất, kinh doanh (khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết)			
a	Hộ gia đình có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật (điểm a, khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết)	Tối đa 200 triệu đồng/hộ	Lãi suất cho vay, thời hạn cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ áp dụng chương trình cho vay đối với hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo	
b	Hộ đồng bào dân tộc thiểu số thường trú tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (điểm a, khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết).			
2	Hộ gia đình đang sinh sống tại các phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng chưa có công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường hoặc đã có nhưng không thuộc phạm vi cấp nước sạch tập trung và chưa bảo đảm vệ sinh môi trường có nhu cầu vay vốn để thực hiện chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường (khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết).	Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ như chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và lãi suất áp dụng theo Quyết định 2553/QĐ-TTg ngày 21/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.		

STT	Đối tượng cho vay	Mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất cho vay
3	Người lao động thường trú trên địa tỉnh Lâm Đồng đã được bên tuyển dụng tiếp nhận chính thức đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có nhu cầu vay vốn để đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng (khoản 3, Điều 2 của Nghị quyết).	Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ như chương trình cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2029 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi		
4	Hộ gia đình thường trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có từ 02 học sinh, sinh viên trở lên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có nhu cầu vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên (khoản 4, Điều 2 của Nghị quyết).	Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ như chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Quyết định 2553/QĐ-TTg ngày 21/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.		
5	Học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam thường trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (Học sinh, sinh viên phải tốt nghiệp	Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ như chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo Quyết định 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ.		

STT	Đối tượng cho vay	Mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất cho vay
	Trung học phổ thông theo quy định của pháp luật nhưng không cần đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 4 Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ) (khoản 5, Điều 2 của Nghị quyết).			
6	Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại các xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được tiếp tục thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn. Thời gian kể từ khi cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đến thời điểm vay vốn tối đa là 05 năm (khoản 6, Điều 2 của Nghị quyết).	Tối đa 200 triệu đồng/hộ		Lãi suất vay và thời hạn cho vay thực hiện theo quy định của chương trình cho vay đối với hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn; Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg ngày 05/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn và lãi suất theo Quyết định số 2553/QĐ-TTg ngày 21/11/2025 của Thủ tướng Chính Phủ về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.
7	Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm và không trái quy định của pháp luật có liên quan (khoản 7, Điều 2 của Nghị quyết)			

STT	Đối tượng cho vay	Mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất cho vay
a	Người vay là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm đồng có mức thu nhập dưới mức phải đóng thuế thu nhập cá nhân theo quy định; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước nghỉ việc trong thời gian không quá 5 năm tính từ ngày có quyết định nghỉ việc do thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền. (điểm a, khoản 7, Điều 2 của Nghị quyết)	Tối đa 200 triệu đồng/người vay		Lãi suất cho vay, thời hạn cho vay theo chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm; Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.
b	Người lao động là bộ đội xuất ngũ, công an xuất ngũ (điểm b, khoản 7, Điều 2 của Nghị quyết)			
c	Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (điểm c, khoản 7, Điều 2 của Nghị quyết).			